

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM;**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên giao dịch: PV Power Services;
- Mã số doanh nghiệp: 0102560459. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 9 ngày 17/10/2019;
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.);**
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3 7878186 Fax: (84-24) 3 7878185
- Website: www.pvps.vn
- Mã cổ phiếu: **PPS.**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thành lập

- Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) thông qua Đề cương thành lập một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 9 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ giao dịch, đại diện pháp luật Công ty.

2.2. Niêm yết

- Ngày 28/12/2010, PV Power Services được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS;

- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

3. Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động

3.1. Ngành nghề kinh doanh

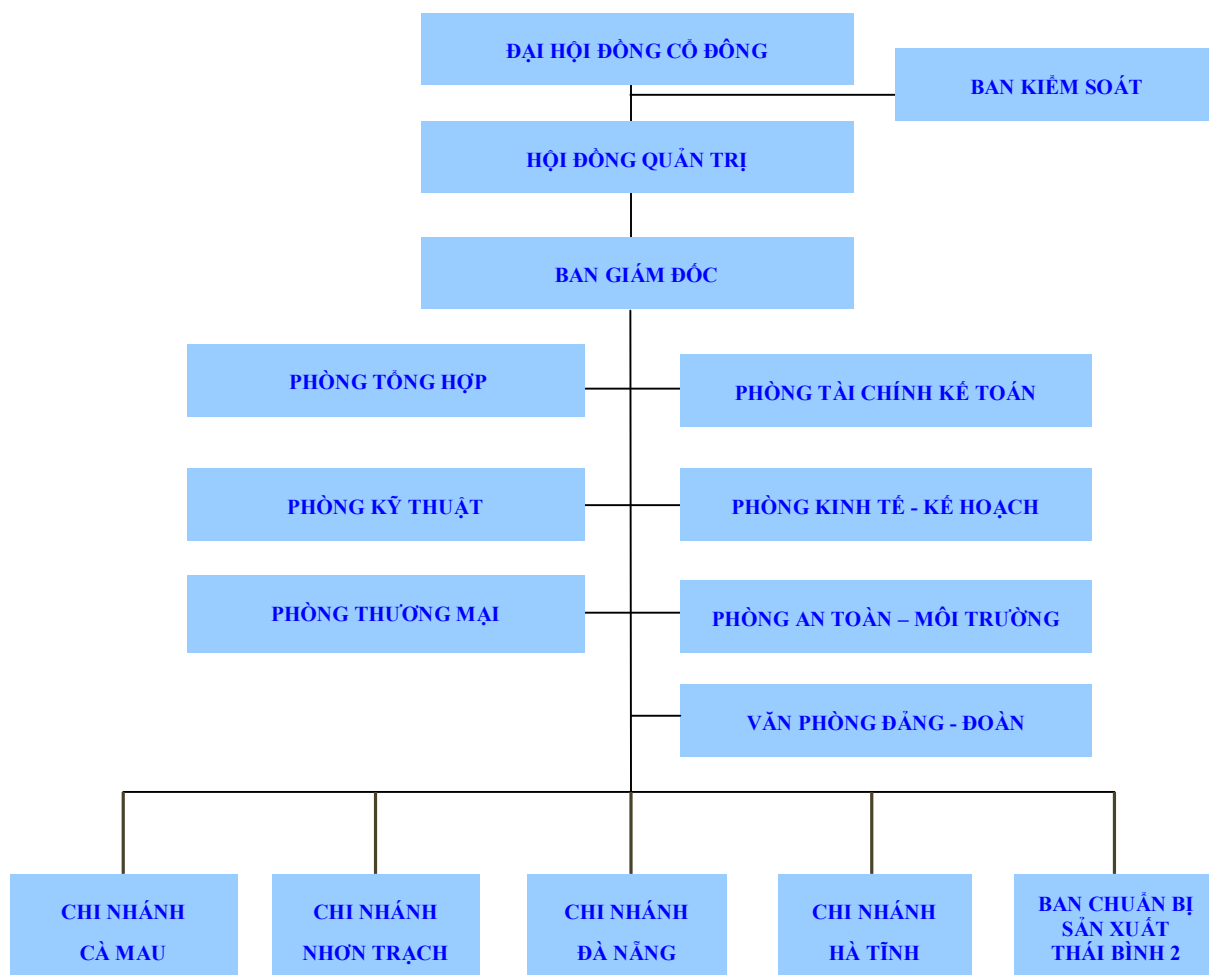
- Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW); Sửa chữa thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...

3.2. Địa bàn hoạt động

- Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 03/8/2009, PV Power Services tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.

- Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.
- Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngày 22/4/2016, Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 của PV Power Services được thành lập theo Quyết định số 233/QĐ-DVKT ngày 22/4/2016 của Giám đốc Công ty.
- Ngoài ra PV Power Services còn tham gia bảo dưỡng sửa chữa một số nhà máy thủy điện nên có địa bàn hoạt động rộng rãi tại Hòa Na, Quế Phong, Nghệ An, Đăkđrinh, Quảng Ngãi...; Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi); Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; các NMD thuộc Tập đoàn TKV.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý tại thời điểm 31/12/2019



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện trách nhiệm giám sát hoạt động của Người điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế phục vụ quản trị nội bộ của Công ty quy định.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

4.4. Người điều hành Công ty

Người điều hành Công ty hiện nay bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Người điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.5. Khối phòng/Ban chức năng

4.5.1. Phòng Tổng hợp

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, đổi mới doanh nghiệp; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách; Công tác Pháp chế; Công tác hành chính quản trị, công tác hậu cần doanh nghiệp, văn thư văn phòng, lễ tân và lái xe.

4.5.2. Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán là bộ phận tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.5.3. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý thực hiện hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa dài hạn; Thống kê, quản lý, kiểm tra các Hợp đồng do các Phòng/đơn vị thực hiện; Kiểm soát chi phí; Công tác vật tư; Công tác Marketing - PR, phát triển thương hiệu; Đánh giá thực hiện KPI của các Phòng/Chi nhánh; một số công việc khác của Công ty.

4.5.4. Phòng Kỹ Thuật

Phòng Kỹ thuật là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác quản lý kỹ thuật; công tác quản lý hợp đồng bảo trì dài hạn; công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật; công tác đào tạo chuyên sâu và đào tạo nội bộ; công tác Nghiên cứu khoa học; công tác xét duyệt cán bộ công nhân viên kỹ thuật cao và công tác ISO của Công ty.

4.5.5. Phòng Thương mại

Phòng Thương mại là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác mua sắm thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ, tài sản, phương tiện, BHLĐ; công tác xuất nhập khẩu vật tư phục vụ các nhà máy điện; Tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng; mở rộng thị trường, thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối; tìm kiếm, xây dựng thị trường khách hàng ngoài Tổng công ty cho Công ty.

4.5.6. Phòng An toàn – Môi trường

Phòng An toàn - Môi trường là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và vệ sinh lao động của Công ty.

4.5.7. Văn phòng Đảng – Đoàn

- Văn phòng Đảng Đoàn có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Công đoàn Công ty các công tác sau:
- Về Công tác Đảng: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, trực tiếp là giúp Ban Chấp hành, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty; Tổ chức tham mưu công việc

lãnh đạo của Đảng; đồng thời là trung tâm thông tin tổng hợp, báo cáo phục vụ sự lãnh đạo của Đảng ủy Công ty.

- Về Công tác Công đoàn: Tham mưu giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động Công đoàn các cấp; Tham mưu cho Ban Thường vụ về tình hình hoạt động phong trào văn hóa thể thao; Chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động và hoạt động khác theo quy định của Công đoàn Công ty; Trực tiếp quản lý tài sản và phối hợp với các Phòng chức năng Công ty đảm bảo phục vụ các hoạt động của Công đoàn.

4.6. Khối sản xuất trực tiếp

4.6.1. Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Hà Tĩnh

a. Chức năng:

- Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

b. Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Chi nhánh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Chi nhánh và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Chi nhánh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý

tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.2. Chi nhánh Đà Nẵng

a. Chức năng:

- Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

b. Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến công tác thí nghiệm hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.3. Ban chuẩn bị sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Thái Bình 2:

a. Chức năng:

- Ban CBSX BDSC Thái Bình 2 có chức năng thay mặt Công ty trực tiếp quản lý và tổ chức triển khai công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty về phân cấp và ủy quyền;
- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động do Công ty cấp theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty.

b. Nhiệm vụ:

- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 phù hợp với các quy định hiện hành cho đến khi Chi nhánh Thái Bình thuộc Công ty được thành lập;
- Giám sát việc triển khai dự án, tiến độ dự án từ Ban quản lý dự án và nhà thầu; Kịp thời báo cáo Công ty và đề xuất phương án xử lý trong trường hợp có thay đổi, phát sinh, vướng mắc cũng như các thay đổi khác liên quan đến quá trình triển khai thực hiện dự án;
- Tập hợp hồ sơ Thiết kế kỹ thuật/Thiết kế tổng thể đã được các cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt;
- Nghiên cứu, phân loại các tài liệu kỹ thuật theo các lĩnh vực và chuyên ngành: Cơ - nhiệt; Điện; C&I;
- Lập danh mục thiết bị theo sơ đồ công nghệ PID và các tài liệu kỹ thuật liên quan theo các lĩnh vực Cơ - nhiệt, Điện, C&I;
- Xây dựng các quy trình an toàn chung; quy trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị Cơ - nhiệt; Điện; C&I.
- Lập lý lịch thiết bị;
- Xây dựng danh mục vật tư dự phòng 2 năm đầu: bao gồm danh mục, số lượng, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu kỹ thuật liên quan;
- Xây dựng dự toán sửa chữa, bảo dưỡng: cho các công việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ (Tiểu tu, Trung tu và Đại tu) (trên cơ sở tài liệu O&M, định mức, dự toán VA1 và các tài liệu tham khảo khác) cho các thiết bị Cơ - nhiệt, Điện, C&I:
 - Phạm vi công việc, biện pháp thi công sửa chữa, bảo dưỡng.

- Nhân công thực hiện các công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
 - Vật tư tiêu hao thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
 - CCDC để thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
- Xây dựng dự toán cho công tác sửa chữa bất thường, bảo vệ chống ăn mòn: phạm vi công việc, biện pháp thi công, nhân công, vật tư tiêu hao, máy thi công và CCDC, chu kỳ và thời gian thực hiện;
 - Xây dựng các cơ sở pháp lý để bảo vệ với Tổng công ty và Tập đoàn khi thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
 - Lập kế hoạch nhân lực và đào tạo nhân lực bảo dưỡng sửa chữa trình Công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện;
 - Chuẩn bị các thủ tục để thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
 - Tham gia theo dõi, học tập việc vận hành, hiệu chỉnh và sửa chữa thiết bị trong công tác lắp đặt, quá trình chạy thử, nghiệm thu từng hạng mục công việc, nhiệm vụ toàn bộ trước khi được Chủ đầu tư cho phép đi vào hoạt động;
 - Tham gia các khóa đào tạo chuyên giao công nghệ tại công trường;
 - Báo cáo kết quả thực hiện công việc hàng quý, hàng tháng cũng như báo cáo công việc đột xuất theo yêu cầu của Công ty về tình hình thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng PV Power Services phát triển bền vững, hiệu quả, an toàn, linh hoạt, năng động, chủ động áp dụng các giải pháp công nghệ mới, hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong nước và ngoài nước, các nhà sản xuất gốc (OEM) tiếp nhận chuyên giao công nghệ tiên tiến.
- Con người là yếu tố then chốt, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân trình độ cao, tác phong chuyên nghiệp.
- Phát triển PV Power Services trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín, chuyên nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Giai đoạn 2021-2025

- Phần đầu đảm nhận 50% phần việc bảo dưỡng sửa chữa khối thiết bị chính trong phạm vi công việc của nhà thầu OEM, 90% phần việc sửa chữa bảo dưỡng cho khối thiết bị phụ của các Nhà máy điện khí của PV Power.
- Phần đầu đảm nhận 80% dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện than của PVN/PV Power.
- Hợp tác với nhà thầu phụ để cử người tham gia các dự án tại khu vực Asean.
- Tổ chức đào tạo và chuẩn bị nguồn nhân lực cho các nhà máy điện mới của PVN đưa vào vận hành. Xây dựng đội ngũ nhân lực vận hành chuyên nghiệp, có năng lực thiết kế chuẩn bị cho công tác bảo dưỡng sửa chữa, sản xuất và kinh doanh phụ tùng thay thế.
- Thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị điện: Thực hiện công tác đo lường, hiệu chỉnh thiết bị đo lường đạt chuẩn quốc tế được cấp giấy phép kiểm định dán tem thiết bị đo lường.
- Về doanh thu phát triển dịch vụ: Phần đầu đạt doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật ngoài bằng 30% doanh thu bảo dưỡng sửa chữa nhà các nhà máy điện của PV Power và lợi nhuận từ dịch vụ này chiếm 30% tổng lợi nhuận trước thuế;
- Đầu tư phát triển: Xây dựng trung tâm sửa chữa động cơ.

➤ Định hướng chiến lược đến 2035

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính cho tất cả các Nhà máy điện thuộc Tập đoàn/Tổng công ty.
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
 - Hỗ trợ nhà ở cho người lao động theo chương trình Mái ấm công đoàn Dầu khí;
 - Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo;

- Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn;
 - Tham gia ủng hộ chương trình nhắn tin “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” của Hội chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức.
- Công tác chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể:
- Quan tâm và phối hợp với Công đoàn Công ty thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách, khen thưởng, phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty.
 - Tổ chức chương trình và tặng quà cho nữ CBCNV Công ty vào các dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10;
 - Tổ chức và tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết Thiếu nhi, Tết Trung thu, phát tặng quà khen thưởng cho các cháu có thành tích cao trong học tập;
 - Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người thân của CBCNV đã có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty; Tổ chức nghỉ mát cho CBCNV Công ty với mục đích tái tạo sức lao động và động viên khích lệ tinh thần, gắn kết giữa người lao động...
 - Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm triển khai đến các bộ phận.
 - Mua bảo hiểm trách nhiệm cao PVI care cho người lao động.

6. Khó khăn/ Tồn tại

- Nhân sự gián tiếp của Công ty còn chiếm tỉ lệ cao so với các đơn vị khác cùng lĩnh vực bảo dưỡng sửa chữa;
- Yêu cầu về nhân lực có chất lượng cao ngày càng cấp thiết, tuy nhiên chế độ đãi ngộ cho các chuyên viên/kỹ sư có trình độ chuyên môn chưa thực sự khuyến khích do vướng cơ chế quy định của nhà nước đối với công ty cổ phần có vốn góp nhà nước đồng thời chưa thu hút được nhân tài.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 1)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ TH/KH (%)
I	Tổng doanh thu	223,12	214,90	96%
1	Doanh thu trực tiếp phần các hợp đồng bảo trì	193,12	191,53	99%
2	Doanh thu thực thanh thực chi (thuế, phí các loại)		0,01	
3	Doanh thu dịch vụ ngoài các HĐ bảo trì dài hạn đã ký với PV Power	30,00	19,88	66%
4	Doanh thu tài chính		1,04	
5	Doanh thu khác		0,39	
6	Doanh thu từ Nhà thầu OEM các Nhà máy theo các HĐ bảo trì dài hạn		2,06	
II	Tổng chi phí	211,33	196,53	93%
1	Chi phí trực tiếp các HĐ bảo trì dài hạn	183,73	174,11	95%
2	Chi phí thực thanh thực chi		0,24	
3	Chi phí thực hiện dịch vụ ngoài các HĐ bảo trì dài hạn đã ký với PV Power	27,60	18,85	68%
4	Chi phí tài chính		0,39	
5	Chi phí khác		0,89	
6	Chi phí OEM		2,06	
III	Lợi nhuận trước thuế	11,79	18,37	156%
IV	Lợi nhuận sau thuế	9,43	14,04	149%

Theo Biểu số liệu trên cho thấy, tổng doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 96% kế hoạch, chủ yếu do: (i) Không ghi nhận doanh thu tiêu tu Cà Mau 1&2 theo kế hoạch do công tác tiêu tu hoàn thành vào cuối tháng 12/2019 và đầu tháng 1/2020; (ii) Giá trị doanh thu dịch vụ ngoài các Hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký với PV Power giảm do theo tiến độ thực tế thực hiện các công trình ngoài thay đổi so với thời điểm lập

kế hoạch và công tác nghiệm thu/thu hồi vốn đối với Hợp đồng Formosa Hà Tĩnh chậm hơn dự kiến tại thời điểm lập Kế hoạch.

Mặc dù giá trị doanh thu giảm nhưng Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt các biện pháp tiết giảm chi phí tối đa nhằm đảm bảo lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra.

Kết quả Lợi nhuận trước thuế đạt 18,37/11,79 tỷ đồng, đạt 156% kế hoạch.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách nhân sự Hội đồng Quản trị, Ban điều hành PV Power Services

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị/ Giám đốc Công ty
3	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Giám đốc Công ty
4	Ông Mai Văn Long	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
II	Ban Kiểm soát	
1	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban kiểm soát
III	Người điều hành Công ty	
1	Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc Công ty
2	Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc Công ty
3	Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc Công ty
4	Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc Công ty
5	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng Công ty

2.2. Tóm tắt lý lịch

1) Ông Bùi Duy Nhị – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ngày sinh : 28/9/1964
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P.2313, Nhà B3, Khu Madarin Garden, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số CMND : 040064000121 cấp ngày 11/5/2016 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân cấp.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế.
- Trình độ Lý luận chính trị: cao cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1988-9/1991	Xí nghiệp Xăng dầu Nghệ Tĩnh – Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Chuyên viên lao động – tiền lương
10/1991-7/1995	Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh;	Phó trưởng phòng TCCB-LĐTL
8/1995-8/1999	Công ty Vận tải xăng dầu Petrolimex Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
9/1999-11/2001	Chi nhánh XNK Petrolimex Hà Nội	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
12/2001-9/2002	Công ty xăng dầu khu vực I, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Chuyên viên Tổ chức Lao động tiền lương
10/2002-6/2007	Công ty xăng dầu khu vực I, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động tiền lương
6/2007-12/2007	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó phòng Tổ chức nhân sự - Ban Tổng hợp
1/2008-8/2011	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban tổ chức nhân sự
1/9/2011-10/2019	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc
10/2019 – nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện PV Power : 2.250.000 cổ phiếu ~ 15% Vốn Điều lệ
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2) Ông Vũ Anh Tuấn – Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty

- Ngày sinh : 08/12/1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 24.01, Tòa nhà FLC Twin Tower, số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số CMND : 019074000248 cấp ngày: 09/11//2017 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân cấp.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành quản lý năng lượng điện).
- Trình độ Lý luận chính trị: cao cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1999 – 10/2001	Xí nghiệp sửa chữa phương tiện nổi và xây lắp điện nước – Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí (Bà Rịa – Vũng Tàu)	Cán bộ kỹ thuật
10/2001 – 8/2007	Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật Phòng dự án điện; Tổ trưởng/ Trưởng nhóm Quản lý dự án

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2007 – 7/2011	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên; Phó Trưởng Ban phụ trách/ Trưởng Ban Kỹ thuật
8/2011– 01/2016	Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Phó Giám đốc
01/2016– 10/2019	Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Giám đốc
10/2019 - nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	TV Hội đồng quản trị/ Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện PV Power : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn Điều lệ
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

3) Ông Mã Ngọc Kỳ – Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc Công ty

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 5/99/16^a, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 046072000541 cấp ngày: 21/6//2019 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy, Thạc sĩ quản lý công nghiệp

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	Phân xưởng sửa chữa – Điện Phú Mỹ	Kỹ sư
2002 – 2007	Công ty Điện lực Phú Mỹ BOT	Kỹ sư phòng Bảo trì
2008 -10/2019	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc
10/2019 - nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện PV Power : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn Điều lệ
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

4) Ông Ngô Kim Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Ngày sinh : 23/3/1985
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Cầu Tiên, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số CMND : 012512486 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/5/2013
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Tự động hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – 2013	Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long	Chuyên viên Phòng Kinh doanh
2014 – nay	Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long	Giám đốc Kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long;
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện : 0 cổ phiếu
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

5) Ông Mai Văn Long – Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách

- Ngày sinh : 09/6/1976
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện kỹ thuật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 4/2004	Nhà máy điện Cần Thơ	Kỹ sư vận hành
4/2004 – 5/2007	Ban Quản lý Dự án Khí – Điện Đạm Cà Mau	Chuyên viên Phòng dự án điện
05/2007–02/2009	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trưởng ca, phó Quản đốc phân xưởng vận hành
02/2009 -12/2019	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban kỹ thuật; Phó Ban kỹ thuật

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó ban Kỹ thuật Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện PV Power : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn Điều lệ
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

6) Ông Phạm Hùng Anh – Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày sinh : 17/8/1974
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Long
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1996 - 6/2004	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng, Bí thư Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh khối cơ quan Tổng công ty (từ ngày 1/9/1996).	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
7/2004 - 7/2005	Công ty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật – Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng.	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
8/2005 - 1/2008	Công ty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật – Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng.	Trưởng phòng Kế toán Tài chính
2/2008 - 8/2011	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
9/2011- 11/2018	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán
11/2018 - nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 1000 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện : 0 cổ phiếu
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

7) Ông Vũ Quang Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 19/10/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 7 ngõ 204 Thụy Khê, Hà Nội
- Số CMND : 011917386 do Công an Tp. Hà Nội cấp 16/02/2004
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-10/2008	Công ty Intergraph	Trưởng phòng dự án
10/2008-10/2010	GP Link JSC	Giám đốc
2010-8/2011	PVC&I	Tổng Giám đốc
8/2011-nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

8) Ông Phùng Văn Đức – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 07/11/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật ngành XDCT thủy
- Trình độ Lý luận chính trị: cao cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2002-10/2007	Công ty Tư vấn & CGCN – Đại học Thủy lợi	Cán bộ/Phó phòng phụ trách phòng Tổng hợp
11/2007-02/2008	Công ty Tư vấn & CGCN – Đại học Thủy lợi	Trưởng phòng Tổng hợp
03/2008-29/4/2009	PV Power PMC1	Cán bộ/Phó phòng KTKH
1/5/2009-1/7/2010	PV Power PMC1	Trưởng phòng KTKH
1/7/2010-9/9/2010	Công ty CP tư vấn dự án Điện lực Dầu khí	Trưởng ban KTKH
9/9/2010-15/7/2014	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban KTKH
15/7/2014-31/8/2016	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban KTKH
01/9/2016-30/4/2017	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban PC&QHCC
Từ 01/5/2017 – nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

9) Ông Lê Đình Thái – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 15/11/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thạch Long – Thạch Hà – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: P 2036, tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Số CMND : 013571798 do Công an Hà Nội cấp ngày 31/8/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2003 – 5/2007	Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908	Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán
6/2007 – 4/2008	Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908	Phó trưởng Ban Tài chính – Kế toán
5/2008 – 2/2012	Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 908 – Công ty CP Sông Đà 9	Kế toán trưởng
3/2012 – 3/2015	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán
4/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2. Những thay đổi nhân sự trong Hội đồng Quản trị

TT	Chức danh	Cũ	Mới	Thời điểm
1	Chủ tịch HĐQT	Phan Ngọc Hiền	Bùi Duy Nhị	09/10/2019
2	Giám đốc Công ty	Nguyễn Minh Tuấn	Vũ Anh Tuấn	09/10/2019
3	Thành viên HĐQT	Phan Thế Hồng	Mã Ngọc Kỳ	09/10/2019

3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số cán bộ công nhân viên là 471 người. Trong tổng số 471 CBCNV có:
 - + Tiến sỹ: 0 người
 - + Thạc sỹ: 21 người
 - + Đại học: 241 người
 - + Cao đẳng: 37 người
 - + Trung cấp: 83 người
 - + Công nhân kỹ thuật, lái xe: 89 người
 - + Lao động phổ thông: 0 người
 - + Cán bộ nữ: 59 người
 - + Tuổi trung bình cán bộ: 36
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối tiền lương, thu nhập theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Đảm bảo 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động theo quy định.
- Công tác thực hiện tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao” cho toàn bộ CBCNV, giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV nhân dịp các ngày lễ lớn.
- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2019 là: 18,27 triệu đồng/người/tháng.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

4.2. Các Công ty con, Công ty liên kết:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ: 11,90% Vốn Điều lệ PAIC;
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042;
- Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đ.
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,90% Vốn Điều lệ
- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	92.194.808.833	82.823.581.622	89,84%
Doanh thu thuần	đ	94.038.867.287	80.323.645.977	85,42%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	3.511.541.284	4.483.820.652	127,69%
Lợi nhuận trước thuế	đ	1.735.885.229	1.735.885.229	100,00%
Lợi nhuận sau thuế	đ	876.117.882	2.265.257.381	258,56%

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính 2019 của PAIC)

5. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

(Biểu 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng tài sản	tỷ đ	2.988,73	473,30
2	Tổng nợ phải trả	tỷ đ	2.801,32	288,47
3	Tài sản ngắn hạn	tỷ đ	2.915,91	413,96
4	Tổng nợ ngắn hạn	tỷ đ	2.799,32	286,55
5	Doanh thu + Thu nhập	tỷ đ	306,33	214,90
6	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	20,93	18,37
7	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	16,69	14,04
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ	957	749
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	9,53	7,5

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2019 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức phải được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2020.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Biểu 3)

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1.04	1.44
	Hệ số thanh toán bằng tiền	0.15	1.38
2	Cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.94	0.61
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	14.95	1.56
	Hệ số bảo toàn vốn	0.97	0.99

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
3	Năng lực hoạt động		
	Vòng quay nợ phải thu	0.72	0.56
	Vòng quay hàng tồn kho	0.09	0.12
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.1	0.12
4	Khả năng sinh lời		
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.46%	6.58%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	8.76%	7.54%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0.55%	0.81%

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số C473/2019-PPS/VSD-ĐK chốt ngày 20/9/2019 do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành ngày 24/9/2019

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 11.812.700 Cổ phần;
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.187.300 Cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn: 3 cổ đông, nắm giữ 11.812.700 cổ phần tương đương 79% tổng số cổ phần:
 - Cổ đông là tổ chức nhà nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần;
 - Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 2 cổ đông, nắm giữ 4.162.700 cổ phần, tương đương 28% tổng số cổ phần;
 - Các cổ đông khác nắm giữ: 3.187.300 cổ phần, tương đương 21% tổng số cổ phần.

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* không có.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có.

e. *Các chứng khoán khác:* không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

a. Các chỉ tiêu chủ yếu

(Biểu 4) Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	223,12	214,90	96%
1	Doanh thu trực tiếp phần các hợp đồng bảo trì	193,12	191,53	99%
2	Doanh thu thực thanh thực chi (thuế, phí các loại)		0,01	
3	Doanh thu dịch vụ ngoài các HĐ bảo trì dài hạn đã ký với PV Power	30,00	19,88	66%
4	Doanh thu tài chính		1,04	
5	Doanh thu khác		0,39	
6	Doanh thu từ Nhà thầu OEM các Nhà máy theo các HĐ bảo trì dài hạn		2,06	
II	TỔNG CHI PHÍ	211,33	196,53	93%
1	Chi phí trực tiếp các HĐ bảo trì dài hạn	183,73	174,11	95%
2	Chi phí thực thanh thực chi		0,24	
3	Chi phí thực hiện dịch vụ ngoài các HĐ bảo trì dài hạn đã ký với PV Power	27,60	18,85	68%
4	Chi phí tài chính		0,39	
5	Chi phí khác		0,89	
6	Chi phí OEM		2,06	
III	Lợi nhuận trước thuế	11,79	18,37	156%
IV	Lợi nhuận sau thuế	9,43	14,04	149%

Như đã báo cáo và phân tích tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3 và Biểu 4, Người điều hành Công ty đánh giá Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ thông qua, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận, duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, trong đó những yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty được xác định như sau:

- Duy trì công tác bảo trì, sửa chữa các Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1 được ổn định, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng kỹ thuật.

- Xúc tiến ký kết các Hợp đồng dịch vụ kỹ thuật mới với các đối tác như Formosa Hà Tĩnh/ Nhơn Trạch, Nghi Sơn...
- Tăng cường công tác quản lý, quản trị, tiết giảm/tiết kiệm tối đa các khoản mục chi phí, đặc biệt chi phí quản lý Công ty.

b. Những tiến bộ đã đạt được

Năm 2019, Công ty dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

- Doanh thu: 214,9 tỷ đồng/223,12 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch;
- Chi phí: 196,53 tỷ đồng/211,33 tỷ đồng, đạt 93 kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: 18,37 tỷ đồng/11,79 tỷ đồng, đạt 156% kế hoạch.

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Sửa đổi và ban hành Hệ thống tiêu chuẩn chức danh và định biên lao động tại các phòng ban, đơn vị sản xuất ... hoàn thiện hệ thống pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị và điều hành Công ty;
- Nghiên cứu, xây dựng chính sách cho cán bộ, công nhân, nhân viên như: Quy chế lương, Chế độ chính sách CBCNV kỹ thuật bậc cao.
- Chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện phương án tái cơ cấu, tinh gọn bộ máy quản lý.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình sử dụng tài sản, công nợ (xem Biểu 3)
- Giá trị ròng của Doanh nghiệp tại 31/12/2019: 184.823.304.439 đ
- Số lượng cổ phần hiện hữu: 15.000.000 Cổ phần
- Giá trị ghi sổ của cổ phiếu tại 31/12/2019: 12.321 đ/Cổ phần
- Tính đến thời điểm hiện tại, PV Power Services không phát sinh nợ xấu.

3. Kế hoạch năm 2020

- Thực hiện BDSC thường xuyên, đột xuất/khắc phục bất thường/sự cố của các NMĐ Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMNĐ Vũng Áng 1 và NMĐ Formosa Hà Tĩnh đảm bảo an toàn, tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ các nhà máy điện năm 2020 theo kế hoạch của chủ đầu tư đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

- Phối hợp Chủ đầu tư triển khai công tác chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện năm 2021 theo quy định Hợp đồng đã ký.
- Thực hiện công tác chuẩn bị các điều kiện, phương án để tham gia chào giá/đàm phán/ký kết Hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa giai đoạn sau 100kEOH của NMD Cà Mau 1&2 theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Thực hiện công tác đàm phán/ký kết gia hạn Hợp đồng số 43/PVP.TM.VA-PVPS/2019/DV về việc “Cung cấp Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên NMD Vũng Áng 1 năm 2019-2020” với Chủ đầu tư.
- Tăng cường công tác xúc tiến, tìm kiếm, ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng/Chủ đầu tư mới ngoài các Hợp đồng đã ký phù hợp với năng lực/kinh nghiệm của Công ty nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực, tài sản, công cụ dụng cụ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tập trung nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí (đặc biệt chi phí quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài); Quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; Thực hiện công tác đầu tư/mua sắm tài sản/trang thiết bị, CCDC đáp ứng kịp thời phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện, đảm bảo tính pháp lý, theo quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.
- Đẩy mạnh triển khai công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, rà soát sắp xếp lại bộ máy tổ chức, lao động theo hướng tinh nhuệ, gọn nhẹ, giảm tối đa tỷ trọng lao động gián tiếp. Tiếp tục rà soát sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các quy chế/quy định nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường hoạt động các phong trào đoàn thể trong toàn Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Người điều hành Công ty

2.1. Về thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bám sát kế hoạch được giao, cụ thể:
 - Doanh thu đạt: 96 % kế hoạch được giao
 - Lợi nhuận đạt: 156 % kế hoạch được giao
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật;

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Người điều hành Công ty Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với tình hình thực tế và với chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí. Tiếp tục tìm giải pháp thoái vốn đầu tư tại PAIC;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục khó khăn để cùng với Người điều hành Công ty Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông công ty;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	15%	Không
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT/ Giám đốc Công ty	12%	Không
3	Ông Mai Văn Long	Thành viên HĐQT	12%	Phó Ban Kỹ thuật PV Power
4	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc Công ty	12%	Không
5	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	0%	Giám đốc Kinh doanh-Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long

b. Các tiểu ban Hội đồng Quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Định kỳ hàng tháng và bất thường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị đã tham dự các cuộc họp giao ban với Người điều hành Công ty, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.
- Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị /Đại hội đồng Cổ đông, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên/cổ đông để ban hành các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng Quản trị kịp thời.
- Trong năm 2019 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2019.
 - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 16/4/2019 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 vào ngày 09/10/2019.
 - Xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2019.
 - Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - Giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.
- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo Quý, cụ thể như sau:
- Hợp HĐQT quý I/2019 ngày 04/6/2019: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 79/NQ/DVKT-HĐQT ngày 04/6/2019.
 - Hợp HĐQT Quý II/2019 ngày 28/8/2019: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 125/NQ/DVKT-HĐQT ngày 28/8/2019.
 - Hợp HĐQT Quý III/2019 ngày 31/10/2019: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 182/NQ/DVKT-HĐQT ngày 31/10/2019.
 - Hợp HĐQT Quý IV/2019 ngày 06/2/2020: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 14/NQ/DVKT-HĐQT ngày 06/2/2020.

(Chi tiết tại các Nghị quyết đính kèm).

d. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: Không.

e. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:
Không.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần
1	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	1000 cổ phiếu
2	Ông Nguyễn Quang Đông	Kiểm soát viên	0%
3	Ông Lữ Văn Thụ	Kiểm soát viên	0%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

a. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ: Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm soát hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua.

- Nội dung kiểm tra, giám sát:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động quản lý, điều hành SXKD; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (theo Luật Doanh nghiệp);
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (theo Luật Doanh nghiệp);
- Đánh giá việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền tại Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng Công ty đối với Người đại diện phần vốn Tổng Công ty tại doanh nghiệp;
- Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy trình, Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Người điều hành Công ty.

- Phạm vi kiểm tra, giám sát:** Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2019 thuộc trách nhiệm của Người điều hành Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ

sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

- Đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, do đó Ban Kiểm soát tiến hành kiểm soát trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.
- Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc chủ động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ. Trước mỗi kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát họp để xây dựng chương trình, phạm vi kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm soát phân công các thành viên thực hiện công tác kiểm tra theo từng nội dung công việc cụ thể. Kết quả kiểm tra sẽ được các thành viên Ban Kiểm soát trao đổi thống nhất trước khi Trưởng ban Kiểm soát tổng hợp thành báo cáo trình ĐHĐCĐ theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định BCTC hàng quý/bán niên/năm và đưa ra các ý kiến đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong các báo cáo kiểm tra định kỳ đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty ghi nhận và thực hiện trong công tác quản trị và quản lý Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành Công ty:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương (từ 01/01 đến 30/6/2019)		Đơn giá tiền lương (từ 01/01 đến 30/6/2019)		Hệ số lương (từ tháng 7/2019)	Đơn giá tiền lương (từ tháng 7/2019)	Ăn ca	Ghi chú
			Cơ bản	Chức danh	Cơ bản	Chức danh				
1	Ô. Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch HĐQT	6.97	36	1.300.000	1.000.000	9.42	4.500.000	680.000	Chuyển công tác từ 01/9/2019
2	Ô. Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT					9.42	4.500.000	680.000	Bỏ nhiệm từ ngày 9/10/2019
		Phó Giám đốc	6.31	32	1.300.000	1.000.000	7.18	4.500.000	680.000	Từ ngày 8/10/2019 trở về trước
3	Ô. Phan Thế Hồng	Thành viên HĐQT	5.98	29	1.300.000	1.000.000	7.18	4.500.000	680.000	
4	Ô. Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS	5.98	21	1.300.000	1.000.000	6.27	4.500.000	680.000	
5	Ô. Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	6.64	36	1.300.000	1.000.000	9.42	4.500.000	680.000	Chuyển công tác từ

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương (từ 01/01 đến 30/6/2019)		Đơn giá tiền lương (từ 01/01 đến 30/6/2019)		Hệ số lương (từ tháng 7/2019)	Đơn giá tiền lương (từ tháng 7/2019)	Ăn ca	Ghi chú
			Cơ bản	Chức danh	Cơ bản	Chức danh				
		HDQT, Giám đốc								9/10/2019
6	Ô. Vũ Anh Tuấn	Thành viên HDQT, Giám đốc					9.42	4.500.000	680.000	Bổ nhiệm từ ngày 9/10/2019
7	Ô. Mã Ngọc Kỳ	Thành viên HDQT, Phó Giám đốc	6.31	32	1.300.000	1.000.000	7.18	4.500.000	680.000	
8	Ô. Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc	6.31	32	1.300.000	1.000.000	7.18	4.500.000	680.000	
9	Ô. Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	5.98	26	1.300.000	1.000.000	7.18	4.500.000	680.000	
10	Ô. Lê Đình Thái	Kế toán trưởng	5.65	24	1.300.000	1.000.000	6.71	4.500.000	680.000	

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng
1	Ông Mai Văn Long	Thành viên HĐQT	3.000.000
2	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên độc lập HĐQT	3.000.000
3	Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên BKS	2.000.000
4	Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên BKS	2.000.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ theo Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Số: 0936/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã đối chiếu với nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft và thực hiện điều chỉnh giảm công nợ phải trả Siemens Aktiengesellschaft và hàng tồn kho tương ứng liên quan đến công tác bảo dưỡng các nhà máy điện. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22

011:
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM
DỊCH
ĐIỆN
DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Ngô Kim Sơn	Ủy viên
Ông Mai Văn Long	Ủy viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Mã Ngọc Kỳ	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Phan Thế Hồng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2019)
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

00-C
TY
TTE
HAM
TP H
0000
ÔN
Ớ P
VỤ K
LƯC
T
TÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số: 0936/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã đối chiếu với nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft và thực hiện điều chỉnh giảm công nợ phải trả Siemens Aktiengesellschaft và hàng tồn kho tương ứng liên quan đến công tác bảo dưỡng các nhà máy điện. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		413.961.718.453		2.915.912.637.605	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	31.935.878.728		14.934.230.585	
1. Tiền	111		4.935.878.728		14.934.230.585	
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000		-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9	5.170.000.000		-	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.170.000.000		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		357.945.842.045		398.459.180.810	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	355.100.473.774		378.482.878.473	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		892.461.121		183.082.990	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.952.907.150		19.793.219.347	
IV. Hàng tồn kho	140	7	18.909.997.680		2.494.703.391.287	
1. Hàng tồn kho	141		18.909.997.680		2.494.703.391.287	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-		7.815.834.923	
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-		7.815.834.923	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.336.018.777		72.822.102.346	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.860.000		37.860.000	
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	37.860.000		37.860.000	
II. Tài sản cố định	220		27.579.229.469		38.114.582.752	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	27.445.835.843		37.932.729.730	
- Nguyên giá	222		85.042.510.045		84.908.710.045	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.596.674.202)		(46.975.980.315)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		133.393.626		181.853.022	
- Nguyên giá	228		566.717.000		566.717.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(433.323.374)		(384.863.978)	
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	5.040.000.000		5.040.000.000	
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000		5.040.000.000	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.678.929.308		29.629.659.594	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	26.678.929.308		29.629.659.594	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		473.297.737.230		2.988.734.739.951	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

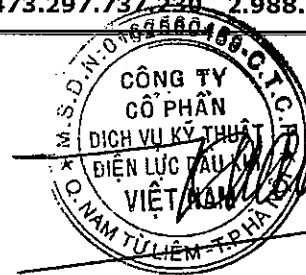
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		288.474.432.791	2.801.316.655.727
I. Nợ ngắn hạn	310		286.551.610.632	2.799.323.986.072
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	184.551.886.576	2.672.189.220.301
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	50.375.562.385	60.916.304.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.962.668.852	3.900.047.083
4. Phải trả người lao động	314		27.722.514.030	26.798.746.463
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.128.602.888	1.911.876.367
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	14.641.056.620	29.565.959.135
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.169.319.281	4.041.831.840
II. Nợ dài hạn	330		1.922.822.159	1.992.669.655
1. Quỹ phát triển khoa học và công	343		1.922.822.159	1.992.669.655
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		184.823.304.439	187.418.084.224
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	184.823.304.439	187.418.084.224
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	20.686.994.576
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			14.136.309.863	16.731.089.648
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		94.027.880	37.791.302
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.042.281.983	16.693.298.346
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		473.297.737.230	2.988.734.739.951

gnoth

LD



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập biểu

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

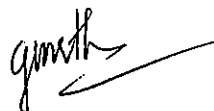
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

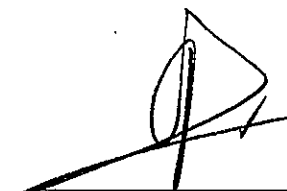
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

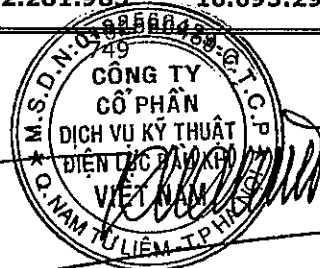
CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	213.570.217.963	311.346.900.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	94.002.229	5.709.545.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		213.476.215.734	305.637.354.945
4. Giá vốn hàng bán	11	19	152.088.496.177	236.617.172.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.387.719.557	69.020.182.122
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.039.131.608	310.229.687
7. Chi phí tài chính	22		392.526.721	172.973.757
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.134.294	28.748.643
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		43.161.213.722	48.603.615.087
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		18.873.110.722	20.553.822.965
10. Thu nhập khác	31		386.927.742	379.363.631
11. Chi phí khác	32	22	887.173.125	1.000.000
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(500.245.383)	378.363.631
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.372.865.339	20.932.186.596
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	4.330.583.356	4.238.888.250
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.042.281.983	16.693.298.346
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24		957



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập biểu



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

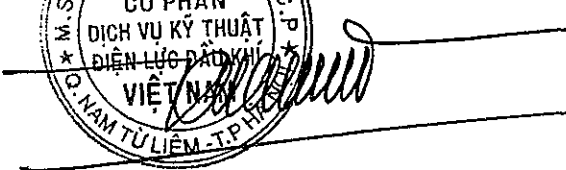
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.372.865.339	20.932.186.596
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.627.721.291	10.559.606.445
Các khoản dự phòng	03	-	(367.800.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.039.131.608)	(71.591.653)
Chi phí lãi vay	06	43.134.294	28.748.643
Các khoản điều chỉnh khác	07	41.431.992	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.046.021.308	31.081.150.031
Giảm các khoản phải thu	09	48.629.612.345	52.905.274.247
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	2.475.793.393.607	(607.088.819)
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.501.910.682.127)	(81.398.966.982)
Giảm chi phí trả trước	12	2.950.730.286	3.703.743.782
Tiền lãi vay đã trả	14	(43.134.294)	(28.748.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.726.805.776)	(5.512.692.522)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.279.421.823)	(411.229.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.459.713.526	(268.558.241)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(133.800.000)	(2.449.445.693)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.927.273
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.170.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	738.692.951	68.664.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.565.107.049)	(2.377.854.040)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.918.803.538	6.800.992.429
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.918.803.538)	(6.800.992.429)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.892.958.334)	(5.372.587.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.892.958.334)	(5.372.587.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	17.001.648.143	(8.019.000.031)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.934.230.585	22.953.230.616
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	31.935.878.728	14.934.230.585


 Hoàng Thị Hồng Trang
 Người lập biểu


 Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng


 Vũ Anh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- CTCP (gọi tắt là "PVPower").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 471 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 561).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc, và giữa các đơn vị phụ thuộc với văn phòng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận

)) ((
HUI
M
P

trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty năm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
	Năm nay
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là "phần mềm"), được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

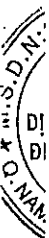
- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu



nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	270.616.436	919.224.754
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	4.665.262.292	14.015.005.831
Các khoản tương đương tiền (ii)	27.000.000.000	-
	<u>31.935.878.728</u>	<u>14.934.230.585</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm 27.879.279 VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương đang tạm ngừng giao dịch (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.153.492.540 VND). Ban Giám đốc đánh giá các khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,3%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu các bên liên quan	350.177.024.563	377.593.051.728
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (i)	194.277.260.058	199.124.626.588
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	111.227.827.158	88.558.206.867
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	28.411.205.916	34.236.503.896
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.417.426.318	52.060.171.262
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	754.834.560	195.357.355
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	88.470.553	3.418.185.760
b. Phải thu khách hàng khác	4.923.449.211	889.826.745
	<u>355.100.473.774</u>	<u>378.482.878.473</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch bao gồm 172.243.844.962 VND, tương đương 6.651.961 EUR (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 172.243.844.962 VND, tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của hợp đồng 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 8 năm 2010 về việc cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Số tiền này sẽ được quyết toán sau khi hai bên thanh lý Phụ lục hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem Thuyết minh số 25)	-	13.416.687.953
Tạm ứng	1.414.519.319	1.110.187.126
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	147.447.875	147.447.875
Cổ tức được chia	100.800.000	-
BHXH, BHYT, BHTN phải thu người lao động	8.295.071	5.039.014.224
Phải thu ngắn hạn khác	281.844.885	79.882.169
	<u>1.952.907.150</u>	<u>19.793.219.347</u>
b. Dài hạn		
	37.860.000	37.860.000
	<u>37.860.000</u>	<u>37.860.000</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.440.024.167	-	467.469.546.718	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.469.973.513	-	2.027.233.844.569	-
	18.909.997.680	-	2.494.703.391.287	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm hàng tồn kho tương ứng với công nợ phải trả Siemens Aktiengesellschaft (xem Thuyết minh số 11).

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.334.200.000	37.921.747.078	20.613.492.364	25.039.270.603	84.908.710.045
Tăng trong năm	-	35.000.000	-	98.800.000	133.800.000
Số dư cuối năm	1.334.200.000	37.956.747.078	20.613.492.364	25.138.070.603	85.042.510.045
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	628.549.780	18.354.441.581	13.062.435.983	14.930.552.971	46.975.980.315
Khấu hao trong năm	237.656.286	4.749.025.545	2.087.603.732	3.546.408.324	10.620.693.887
Số dư cuối năm	866.206.066	23.103.467.126	15.150.039.715	18.476.961.295	57.596.674.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	705.650.220	19.567.305.497	7.551.056.381	10.108.717.632	37.932.729.730
Tại ngày cuối năm	467.993.934	14.853.279.952	5.463.452.649	6.661.109.308	27.445.835.843

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 19.979.205.868 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 17.478.258.293 VND).

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.170.000.000	5.170.000.000	-	-
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) (ii)	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

(i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương với lãi suất 5,1%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản tiền gửi này đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá các khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản góp vốn 5.040.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ của PAIC. Do tổng số vốn góp của các cổ đông của PAIC thấp hơn vốn chủ sở hữu thực có của PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nên Ban Giám Đốc xác định không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	24.119.686.741	24.747.531.067
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.559.242.567	4.882.128.527
	<u>26.678.929.308</u>	<u>29.629.659.594</u>

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán	184.551.886.576	184.551.886.576	2.671.956.372.194	2.671.956.372.194
Siemens Aktiengesellschaft (i)	-	-	2.481.428.597.875	2.481.428.597.875
General Electric Global Parts and Products GMBH (ii)	176.523.564.151	176.523.564.151	177.005.088.134	177.005.088.134
Các nhà cung cấp khác	8.028.322.425	8.028.322.425	13.522.686.185	13.522.686.185
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 25)	-	-	232.848.108	232.848.108
	<u>184.551.886.576</u>	<u>184.551.886.576</u>	<u>2.672.189.220.302</u>	<u>2.672.189.220.302</u>

(i) Công ty đã đối chiếu với nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft ("Siemens") và Siemens xác nhận việc chuyển giao chủ thể hợp đồng đã hoàn tất và không còn quyền và nghĩa vụ cũng như số dư công nợ liên quan đến Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Siemens cũng xác nhận toàn bộ vật tư, thiết bị nhập khẩu bởi Công ty theo hợp đồng được tiếp tục sử dụng để thực hiện nghĩa vụ sửa chữa theo hợp đồng bảo dưỡng dài hạn. Toàn bộ vật tư này sẽ được Siemens quyết toán với các nhà máy điện khi kết thúc hợp đồng bảo dưỡng dài hạn. Ngoài ra, Công ty cũng đã làm việc với các nhà máy điện và kiểm tra, đối chiếu danh mục vật tư Siemens tồn kho tại thời điểm chuyển giao chủ thể hợp đồng để các nhà máy điện tiếp tục theo dõi, quản lý theo các Biên bản xác nhận ký ngày 25 tháng 3 năm 2020.

Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm công nợ phải trả Siemens Aktiengesellschaft và hàng tồn kho tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền là 2.481 tỷ VND.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GmbH bao gồm 172.243.844.962 VND tương đương 6.651.961 EUR (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 172.243.844.962 VND tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Khoản phải trả trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Các bên liên quan	49.973.891.435	59.913.327.795
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	49.466.276.435	59.576.165.651
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkđrinh	213.300.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	42.847.144
b) Khách hàng khác	401.670.950	1.002.977.088
	50.375.562.385	60.916.304.883

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>VND</u>	<u>trong năm</u>	<u>trong năm</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	130.788.721	9.342.060.037	5.878.655.017	3.594.193.741
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.687.567.097	4.330.583.356	6.726.805.776	1.291.344.677
Thuế thu nhập cá nhân	81.691.265	603.537.454	608.098.285	77.130.434
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	3.900.047.083	14.283.180.847	13.220.559.078	4.962.668.852

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trích trước cho dịch vụ đã thực hiện	-	12.000.000
Chi phí phải trả khác	2.128.602.888	1.899.876.367
	2.128.602.888	1.911.876.367

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả	10.138.734.792	16.731.693.126
Bảo hiểm xã hội	330.351.567	5.008.276.491
Phải trả ngắn hạn khác	4.171.970.261	7.825.989.518
	14.641.056.620	29.565.959.135

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	18.125.730.608	25.721.583.208	193.847.313.816
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.693.298.346	16.693.298.346
Chia cổ tức	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.561.263.968	(2.561.263.968)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.122.527.938)	(5.122.527.938)
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	16.731.089.648	187.418.084.224
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.042.281.983	14.042.281.983
Chia cổ tức (i)	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.337.061.768)	(2.337.061.768)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	14.136.309.863	184.823.304.439

(i) Theo Nghị quyết số 60/NQ/ĐHCHĐ-DKVT ngày 16 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng: 1.502.396.851 VND;
- Trích quỹ phúc lợi: 834.664.917 VND;
- Chia cổ tức: 14.300.000.000 VND;

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 10 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	176,75	242,75
Euro (EUR)	1.081,39	1.385,50

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ (i)	2.056.243.601	56.833.455.923
Doanh thu hàng thực thanh, thực chi	12.498.565	2.525.904.945
Doanh thu Công ty tự thực hiện	211.501.475.797	251.987.539.461
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 25)</i>	<i>201.176.051.550</i>	<i>301.991.099.088</i>
	213.570.217.963	311.346.900.329
Các khoản giảm trừ doanh thu	94.002.229	5.709.545.384
	94.002.229	5.709.545.384
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.476.215.734	305.637.354.945

(i) Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ trình bày các khoản doanh thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ thực hiện.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ thực hiện, giá vốn hàng thực thanh, thực chi và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.910.602.168	25.646.167.687
Chi phí nhân công	125.891.524.644	141.322.760.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.628.021.291	10.559.606.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.502.703.035	86.022.275.934
Chi phí bằng tiền khác	12.605.384.935	22.341.659.396
	201.538.236.073	285.892.470.118

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	787.131.608	310.229.687
Cổ tức, lợi nhuận được chia	252.000.000	-
	1.039.131.608	310.229.687

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt hợp đồng	467.228.417	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	261.441.158	-
Thuế GTGT phải nộp	108.336.441	-
Khác	50.167.109	1.000.000
	887.173.125	1.000.000

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.540.430.927	4.226.194.119
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	790.152.429	12.694.131
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.330.583.356	4.238.888.250

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	18.372.865.339	20.932.186.596
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập chịu thuế theo quyết toán thuế năm trước	(1.037.439.414)	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(252.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	618.728.708	198.784.000
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.702.154.633	21.130.970.596
Thuế suất thông thường (%)	20	20
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.540.430.927	4.226.194.119
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	790.152.429	12.694.131
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.330.583.356	4.238.888.250

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> (trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm (VND)	14.042.281.983	16.693.298.346
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	(2.808.456.397)	(2.337.061.768)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11.233.825.586	14.356.236.578
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	749	957

- (i) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 16 tháng 4 năm 2019.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bằng số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 16 tháng 4 năm 2019. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại như sau:

	<u>Số trình bày trên</u> <u>báo cáo năm trước</u>	<u>Số trình bày lại</u>	<u>Chênh lệch</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	890	957	67

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

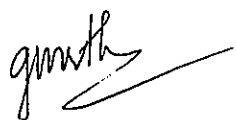
Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

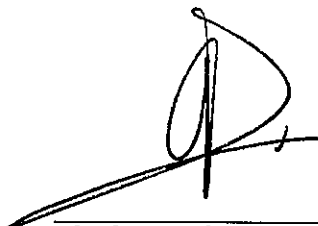
	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.176.051.550	301.991.099.088
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	31.591.482.866	96.343.137.652
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	54.477.485.531	85.589.526.203
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	63.953.333.175	70.665.185.862
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	44.818.833.106	41.598.110.239
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	6.334.916.872	3.551.951.917
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	-	4.243.187.215
Các khoản giảm trừ doanh thu	94.002.229	5.709.545.384
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	94.002.229	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	5.709.545.384
Mua hàng hóa, dịch vụ	986.317.301	993.110.687
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	861.809.658	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	124.507.643	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	993.110.687
Chia cổ tức cho cổ đông	14.300.000.000	18.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	7.293.000.000	9.180.000.000
Các cổ đông khác	7.007.000.000	8.820.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.061.256.684	2.195.417.415

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng	350.177.024.563	377.593.051.728
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	194.277.260.058	199.124.626.588
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	111.227.827.158	88.558.206.867
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	28.411.205.916	34.236.503.896
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.417.426.318	52.060.171.262
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	754.834.560	3.418.185.760
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	88.470.553	195.357.355
Phải thu khác	-	13.416.687.953
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	7.083.705.332
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	6.332.982.621
Phải trả nhà cung cấp	-	232.848.108
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	198.753.750
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	34.094.358
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	-
Cổ tức phải trả	10.138.734.792	16.731.693.126
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	9.180.000.000
Các cổ đông khác	10.138.734.792	7.551.693.126
Người mua trả tiền trước	49.973.891.435	59.913.327.795
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	49.466.276.435	59.576.165.651
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	213.300.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	42.847.144



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập biểu



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

- Ghi chú: Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Duy Nhị